BẢN TIN CHỨNG KHOÁN NGÀY 16/07/2021

15/07/2021	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá đóng cửa	1,293.92	1.09%	1,430.29	1.42%	306.30	3.19%
Tổng KLGD (tr. cp)	**445.13**	**-25.66%**	**193.92**	**-16.24%**	**118.27**	**22.45%**
KLGD khớp lệnh (tr. cp)	**424.34**	**-20.12%**	**189.78**	**-11.83%**	**94.07**	**6.28%**
TB 20 phiên (tr. cp)	646.44	-34.36%	234.50	-19.07%	125.64	-25.13%
Tổng GTGD (tỷ VND)	**15,177.62**	**-21.58%**	**9,449.89**	**-17.40%**	**2,697.93**	**34.45%**
GTGD khớp lệnh (tỷ VND)	**14,129.99**	**-17.14%**	**9,177.14**	**-11.08%**	**2,252.19**	**21.22%**
TB 20 phiên (tỷ VND)	20,659.29	-31.60%	11,915.90	-22.98%	2,874.10	-21.64%
		Tỷ trọng %		Tỷ trọng %		Tỷ trọng %
Số mã tăng	287	69%	20	67%	139	38%
Số mã giảm	82	20%	8	27%	65	18%
Số mã đứng giá	49	12%	2	7%	164	45%

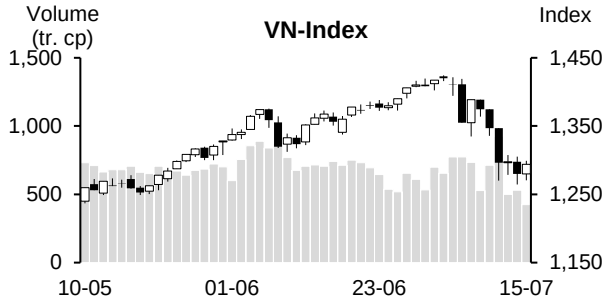

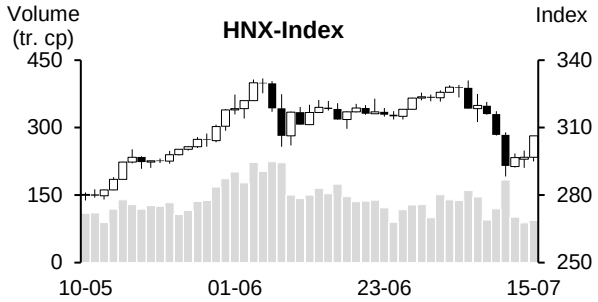

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Sau phiên giao dịch buổi sáng có phần ảm đạm khi thị trường giằng co đi ngang, thị trường bước vào phiên chiều với diễn biến phục hồi mạnh nhờ sự khởi sắc của nhiều cổ phiếu vốn hóa lớn, đặc biệt là ngân hàng, chứng khoán và thép. Mặc dù hôm nay là ngày đáo hạn hợp đồng phái sinh tháng 7, diễn biến trong phiên ATC đã không xảy ra biến động đáng kể nào và các chỉ số vẫn chốt phiên với mức tăng tốt và độ rộng thị trường nghiêng hoàn toàn về bên mua với số mã tăng áp đảo. Tuy nhiên, nhiều nhà đầu tư vẫn chọn đứng ngoài thị trường khiến thanh khoản trong phiên hôm nay giảm xuống mức thấp nhất kể từ cuối tháng 4/2021.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm trở lại. Khối lượng giao dịch tiếp tục suy giảm và ở dưới mức bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý dòng tiền vẫn khá thận trọng. Không những vậy, xu hướng chính trong ngắn hạn vẫn là giảm điểm, khi chỉ số đóng cửa dưới MA5, cùng với chùm MA5, 10, 20 ở trạng thái phân kỳ âm tiêu cực, phiên tăng điểm có thể chỉ nằm trong nhịp hồi kỹ thuật. Tuy nhiên, chỉ số có phiên bật tăng từ vùng hỗ trợ quanh MA10, với cây nến trắng tích cực tại, kèm theo đường RSI có dấu hiệu phục hồi trở lại khi tiệm cận vùng quá bán 30, cho thấy nhịp hồi kỹ thuật có thể còn tiếp diễn và hướng lên thử thách ngưỡng kháng cự 1,333 điểm (MA50). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Mặc dù, chỉ số vẫn trong xu hướng giảm khi chỉ số nằm dưới MA20, nhưng sau phiên bật tăng từ hỗ trợ MA100 với nến thân trắng tích cực, cho thấy nhịp hồi kỹ thuật hiện tại có thể còn tiếp diễn và hướng lên vùng kháng cự xu hướng quanh 310 -315 điểm (MA20 và 50). Nhìn chung, thị trường có thể xuất hiện nhịp hồi kỹ thuật trước khi quay lại xu hướng giảm chính. Do đó, nhà đầu tư có mức chấp nhận rủi ro cao có thể cân nhắc mở vị thế mua lướt sóng tại các cổ phiếu có cơ bản tốt, báo cáo quý 2 tăng trưởng mạnh mẽ và đang ở trạng thái bị quá bán.

Cổ phiếu khuyến nghị: SJS (Mua)

Cổ phiếu quan sát: ITD, REE, POM

(Xem chi tiết ở trang 2)

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THEO TÍN HIỆU KỸ THUẬT

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	SJS	Mua	16/07/21	61.8	61.8	0.0%	70	13.3%	59	-4.5%	Xu hướng tăng tiếp diễn

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	ITD	Quan sát mua	16/07/21	17.4	18.5-19	Tín hiệu điều chỉnh quanh vùng đỉnh thời đại ko quá xấu với nến, vol nhỏ dần -> khả năng sớm tăng trở lại, có thể canh mua khi giá tiếp tục điều chỉnh về vùng 16-16.5
2	REE	Quan sát mua	16/07/21	51.2	53.5-54.5	Nhịp điều chỉnh về lại vùng hỗ trợ mạnh 50-51 + áp lực bán yếu dần -> khả năng có thể hồi phục t+
3	POM	Quan sát mua	16/07/21	14.2	15.5-16	Nhịp điều chỉnh về lại vùng hỗ trợ mạnh quanh 14 + áp lực bán yếu dần -> khả năng có thể hồi phục t+

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	VGC	Mua	12/07/21	29.5	29.5	0.0%	35	18.6%	27.9	-5%	
2	HDG	Mua	14/07/21	49.2	46.5	5.8%	53	14.0%	43.9	-6%	

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

TIN TỨC TRONG NGÀY

Tin trong nước

CIEM: Kinh tế năm nay có thể đạt mức tăng trưởng 5,9-6,2%

Tại Hội thảo trực tuyến "Kinh tế Việt Nam 6 tháng đầu năm với chủ đề cải cách để phục hồi tăng trưởng bền vững" với sự hỗ trợ của Chương trình Australia hỗ trợ cải cách kinh tế Việt Nam (Aus4Reform), Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương (CIEM) đã cập nhật 2 kịch bản tăng trưởng kinh tế năm nay.

Theo báo cáo cùng tên do nhóm nghiên cứu CIEM thực hiện, bước vào đầu năm nay, kinh tế Việt Nam được kỳ vọng tiếp tục phục hồi mạnh mẽ. Tuy nhiên, hai đợt dịch với những diễn biến phức tạp, nhất là đợi dịch thứ tư - bắt đầu từ cuối tháng 4 đến nay, đã gây ra những khó khăn, thách thức lớn đối với nền kinh tế.

Từ nhận định đó, ở kịch bản lạc quan, dịch Covid-19 được kiểm soát vào tháng 8, CIEM dự báo nền kinh tế tăng trưởng 6,2% trong năm nay. Ở kịch bản ít lạc quan hơn, giả định dịch Covid-19 được kiểm soát vào tháng 10, kinh tế sẽ tăng trưởng 5,9%. TS Võ Trí Thành cho rằng cần cập nhật thêm một kịch bản xấu khác mà ở đó kinh tế tăng trưởng ở ngưỡng 5%.

Kết thúc 6 tháng đầu năm, kinh tế Việt Nam được công bố tăng trưởng 5,64% và quý II là 6,61%

NHNN chấp thuận nới 'room' tín dụng cho một số ngân hàng

Theo nguồn tin của Người Đồng Hành, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) có văn bản chấp thuận nâng chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng cho một số ngân hàng, trong đó có MB và VPBank.

Cơ quan này đồng ý điều chỉnh dư nợ tín dụng tối đa đến ngày 31/12/2021 của MB, theo đề nghị của nhà băng này từ 10,5% lên 15%. Tương tự, cơ quan điều hành cũng chấp thuận nâng "room" tăng trưởng tín dụng của VPBank từ 8,5% lên 12,1%.

Các ngân hàng kiểm soát chặt rủi ro, tập trung cho vay vào các lĩnh vực sản xuất, lĩnh vực ưu tiền gồm nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu, công nghiệp...

Nguồn: NDH

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Tin doanh nghiệp niêm yết

Novaland muốn phát hành tối đa 1.500 tỷ đồng trái phiếu, bảo đảm bằng bất động sản

Nghị quyết HĐQT Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va (Novaland, HoSE:NVL) thông qua phương án phát hành tối đa 1.500 tỷ đồng trái phiếu ra công chúng được đảm bảo bằng bất động sản thuộc sở hữu của Novaland, Địa ốc No Va và các cá nhân, tổ chức khác.

Trong tháng 6, HĐQT đã phê duyệt phương án vay vốn tối đa 1.600 tỷ đồng qua giao dịch bảo đảm và 2 đợt phát hành trái phiếu với tổng giá trị tối đa là 1.300 tỷ đồng (tính theo mệnh giá)

Song song với đó, Novaland cũng lấy ý kiến cổ đông về việc tiếp tục phát hành cổ phiếu thưởng lần thứ 2 trong năm nay và chia cổ tức bằng cổ phiếu. Tỷ lệ phát hành cổ phiếu thưởng tối đa là 29% và chia cổ tức là 31%.

VPBank trình phát hành cổ phiếu tỷ lệ 80%

VPBank (HoSE: VPB) vừa công bố tờ trình xin ý kiến cổ đông bằng văn bản về phương án tăng vốn điều lệ năm 2021. Ngân hàng đề xuất phát hành tối đa hơn 1,97 tỷ cổ phiếu mới, tương đương tỷ lệ 80% gồm trả cổ tức tỷ lệ 62,15%, phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu (cổ phiếu thưởng) tỷ lệ 17,85%. Thời điểm thực hiện phát hành dự kiến là trong quý III và/hoặc quý IV/2021.

Sau khi hoàn tất, vốn điều lệ của VPBank dự kiến tăng từ hơn 25.299 tỷ đồng lên hơn 45.057 tỷ đồng (tăng thêm hơn 19.757 tỷ đồng), tương đương tổng số cổ phiếu niêm yết sẽ tăng lên hơn 4,5 tỷ đơn vị.

Quý I, VPBank báo lãi trước thuế tăng 38% so với cùng kỳ, đạt hơn 4.000 tỷ đồng và tương đương 24% kế hoạch năm. Tại ngày 31/3/2021, tổng tài sản VPBank tăng 4% so với hồi đầu năm, lên mức hơn 436.241 tỷ đồng.

Không có đơn hàng khẩu trang, Dệt may Thành Công lãi tháng 6 giảm 44% so cùng kỳ

Dệt may Đầu tư Thương mại Thành Công (HoSE: TCM) công bố doanh thu tháng 6 đạt 13,57 triệu USD (312 tỷ đồng), tương đương tháng trước và giảm 18% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế 955.000 USD (23 tỷ đồng), tăng 35% so với tháng trước nhưng giảm 44% so với tháng 6/2020.

Lũy kế 6 tháng, doanh thu đạt 81 triệu USD (1.863 tỷ đồng), tăng 11%; lãi sau thuế 5 triệu USD (115 tỷ đồng), tăng 4,3% và thực hiện 41,3% kế hoạch năm.

Doanh nghiệp cho biết năm nay không có đơn hàng đồ bảo hộ cá nhân (khẩu trang) nhưng nhờ sự phục hồi của các đơn hàng may truyền thống và mảng kinh doanh vải sợi cải thiện.

Nguồn：NDH

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Thống kê giao dịch khớp lệnh

TOP 5 TÁC ĐỘNG TĂNG INDEX

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
HPG	46,500	3.33%	0.14%
CTG	35,000	3.86%	0.13%
VPB	64,000	4.07%	0.13%
GVR	30,500	4.10%	0.10%
TCB	52,100	2.16%	0.08%

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
SHB	27,300	9.64%	1.18%
VND	41,200	5.91%	0.25%
DTK	11,000	10.00%	0.17%
VCS	106,900	2.79%	0.12%
MBS	30,000	5.26%	0.10%

TOP 5 TÁC ĐỘNG GIẢM INDEX

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
BCM	45,250	-6.99%	-0.07%
VIC	102,000	-0.97%	-0.07%
GAS	90,500	-0.88%	-0.03%
MSN	115,000	-1.03%	-0.03%
VJC	114,800	-1.88%	-0.02%

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
DXS	29,000	-9.38%	-0.27%
MVB	18,400	-7.07%	-0.04%
HHC	84,500	-9.14%	-0.04%
TKU	19,500	-9.72%	-0.02%
DP3	115,600	-3.67%	-0.01%

TOP 5 KHỐI LƯỢNG KHỚP LỆNH

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	KL KL (cp)
HPG	46,500	3.33%	28,546,500
STB	28,800	5.11%	25,368,800
TCB	52,100	2.16%	20,322,400
FLC	11,500	-2.54%	19,021,600
VPB	64,000	4.07%	17,772,800

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	KL KL (cp)
SHB	27,300	9.64%	27,359,969
PVS	25,300	0.00%	10,553,435
SHS	40,500	4.65%	5,235,640
DXS	29,000	-9.38%	5,223,200
VND	41,200	5.91%	5,057,619

TOP 5 GIÁ TRỊ KHỚP LỆNH

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	GT KL (tỷ VND)
HPG	46,500	3.33%	1,311.1
VPB	64,000	4.07%	1,128.2
TCB	52,100	2.16%	1,057.4
STB	28,800	5.11%	713.5
SSI	53,700	5.29%	709.7

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	GT KL (tỷ VND)
SHB	27,300	9.64%	721.9
PVS	25,300	0.00%	265.4
SHS	40,500	4.65%	207.0
VND	41,200	5.91%	202.8
DXS	29,000	-9.38%	156.1

Thống kê giao dịch thỏa thuận

TOP 5 GIAO DỊCH THỎA THUẬN

HOSE

Mã CK	KL thỏa thuận (cp)	GT thỏa thuận (tỷ VND)
ACB	3,580,700	121.56
VIB	2,400,000	110.40
TCB	1,960,800	106.86
VCG	2,330,000	102.03
MWG	389,800	67.87

HNX

Mã CK	KL thỏa thuận (cp)	GT thỏa thuận (tỷ VND)
NVB	11,489,787	229.80
PAN	2,000,000	51.00
VC3	1,694,138	32.10
HUT	3,800,000	25.90
HUT	3,800,000	25.90

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Thống kê giao dịch khối ngoại

Sàn GD	KL nước ngoài mua (tr. cp)	GT nước ngoài mua (tỷ VND)	KL nước ngoài bán (tr. cp)	GT nước ngoài bán (tỷ VND)	KL mua/bán ròng (tr. cp)	GT mua/bán ròng (tỷ VND)
HOSE	52.23	2,308.85	30.81	1,571.96	21.42	736.89
HNX	0.55	15.62	0.58	17.01	(0.03)	(1.39)
Tổng 2 sàn	**52.77**	**2,324.47**	**31.39**	**1,588.97**	**21.38**	**735.50**

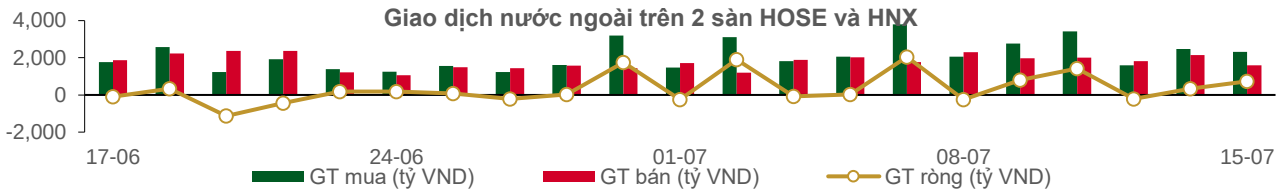

TOP 5 MUA NHIỀU CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL mua (cp)	GT mua (tỷ VND)
HPG	46,500	6,386,900	293.68
VHM	110,300	1,982,700	217.91
VNM	85,200	1,971,400	168.13
SSI	53,700	3,019,100	160.19
VCB	102,500	1,449,300	148.38

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL mua (cp)	GT mua (tỷ VND)
VCS	106,900	45,500	4.75
BVS	27,800	114,700	3.06
VND	41,200	59,300	2.36
PAN	24,300	46,900	1.11
SHS	40,500	19,300	0.77

TOP 5 BÁN NHIỀU CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL bán (cp)	GT bán (tỷ VND)
VHM	110,300	1,812,310	199.14
VCB	102,500	1,514,200	154.91
ACB	32,750	3,582,800	121.63
TCB	52,100	1,960,800	106.86
VIC	102,000	1,020,400	104.23

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL bán (cp)	GT bán (tỷ VND)
DXS	29,000	195,000	5.67
VND	41,200	101,800	3.99
NTP	51,000	43,210	2.14
BVS	27,800	58,100	1.55
BSI	21,500	50,708	1.02

TOP 5 MUA RÒNG CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
HPG	46,500	4,949,500	227.51
SSI	53,700	2,894,100	153.68
STB	28,800	4,244,900	121.03
VNM	85,200	1,008,600	86.01
GEX	22,250	1,830,200	40.44

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
VCS	106,900	42,200	4.41
BVS	27,800	56,600	1.51
PAN	24,300	46,800	1.11
APS	13,100	61,500	0.76
TVD	9,100	80,000	0.71

TOP 5 BÁN RÒNG CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
VIC	102,000	(581,900)	(59.40)
VJC	114,800	(347,200)	(38.28)
KDH	36,350	(867,000)	(31.49)
VRE	28,000	(635,700)	(17.70)
PDR	87,200	(197,500)	(16.68)

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
DXS	29,000	(195,000)	(5.67)
NTP	51,000	(42,710)	(2.11)
VND	41,200	(42,500)	(1.63)
BSI	21,500	(50,658)	(1.02)
SHB	27,300	(20,000)	(0.52)

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Thống kê giao dịch các chứng chỉ quỹ ETF nội

THỐNG KÊ GIÁ

Mã CK	Đóng cửa VND	Thay đổi (%)	KLGD (cp)	GTGD (tỷ VND)
E1VFVN30	24,250	0.6%	1,543,300	36.78
FUEMAV30	16,920	0.7%	14,500	0.24
FUESSV30	18,180	-5.9%	20,700	0.38
FUESSV50	20,600	1.0%	63,400	1.29
FUESSVFL	21,170	2.8%	122,100	2.54
FUEVFVND	24,900	-0.3%	1,257,600	30.75
FUEVN100	17,900	1.7%	37,200	0.66
Tổng cộng			**3,058,800**	**72.64**

MUA BÁN CỦA KHỐI NGOẠI

Mã CK	GT mua (tỷ VND)	GT bán (tỷ VND)	GT ròng (tỷ VND)
E1VFVN30	27.85	9.72	18.12
FUEMAV30	0.11	0.16	(0.05)
FUESSV30	0.00	0.37	(0.36)
FUESSV50	0.00	0.16	(0.16)
FUESSVFL	1.06	2.18	(1.12)
FUEVFVND	22.75	4.08	18.67
FUEVN100	0.53	0.62	(0.09)
Tổng cộng	**52.30**	**17.29**	**35.01**

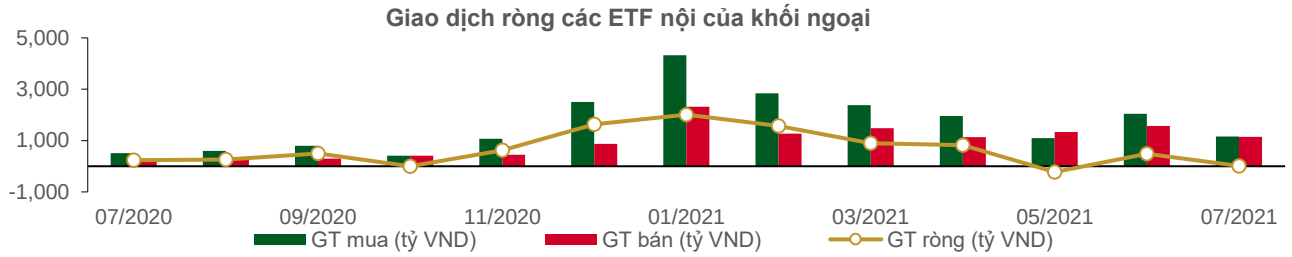

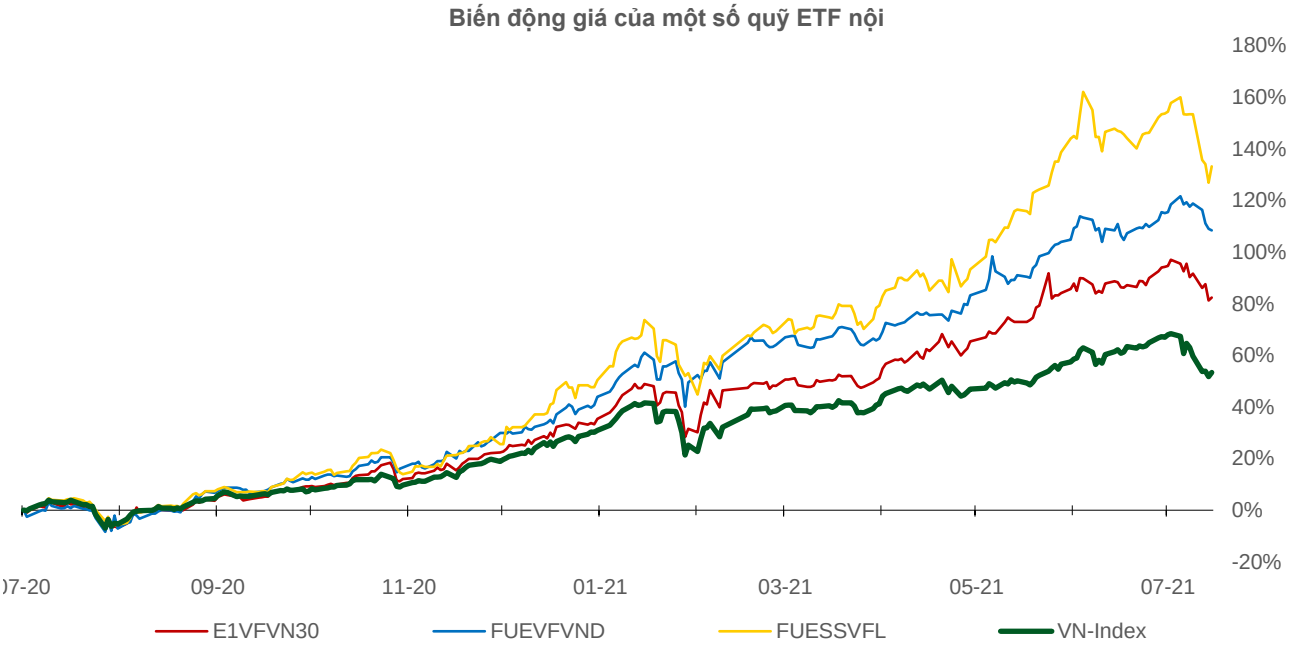

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Thống kê giao dịch chứng quyền có bảo đảm

Mã chứng quyền (*)	Giá đóng cửa (VND)	Thay đổi (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND) (**)	Chênh lệch so với giá đóng cửa (VND)	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CHDB2101	2,180	3.8%	4,640	69	33,200	695	(1,485)	29,890	5.0	22/09/2021
CHPG2101	7,500	6.4%	4,470	69	46,500	4,196	(3,304)	34,470	2.9	22/09/2021
CHPG2105	12,050	7.6%	18,850	25	46,500	10,444	(1,606)	30,880	1.5	09/08/2021
CHPG2106	9,600	5.5%	4,430	43	46,500	6,455	(3,145)	36,910	1.5	27/08/2021
CHPG2107	3,150	7.5%	18,250	28	46,500	790	(2,360)	43,650	3.7	12/08/2021
CHPG2108	3,080	8.1%	53,990	28	46,500	774	(2,306)	43,710	3.7	12/08/2021
CKDH2002	3,440	1.2%	26,730	32	36,350	3,207	(233)	24,850	3.6	16/08/2021
CKDH2101	2,100	0.0%	870	69	36,350	1,372	(728)	30,300	4.5	22/09/2021
CKDH2102	4,900	8.9%	4,440	29	36,350	4,516	(384)	28,270	1.8	13/08/2021
CMBB2102	2,130	-0.5%	12,510	28	29,300	515	(1,615)	25,530	7.4	12/08/2021
CMSN2101	2,100	0.0%	1,330	69	115,000	823	(1,277)	99,150	19.8	22/09/2021
CMSN2102	1,780	0.6%	650	69	115,000	325	(1,455)	110,160	19.8	22/09/2021
CMSN2103	5,100	-8.1%	2,470	29	115,000	4,729	(371)	87,250	5.9	13/08/2021
CMWG2102	9,650	1.6%	3,720	18	167,100	9,445	(205)	120,000	5.0	02/08/2021
CMWG2104	6,570	7.7%	12,470	(115)	167,100	(7)	(6,577)	135,000	10.0	22/03/2021
CMWG2105	5,600	2.0%	8,280	43	167,100	4,492	(1,108)	131,500	8.0	27/08/2021
CNVL2101	4,990	1.2%	2,630	69	104,000	4,050	(940)	56,840	11.7	22/09/2021
CNVL2102	2,940	-1.7%	5,310	74	104,000	834	(2,106)	94,640	11.8	27/09/2021
CPDR2101	2,740	-5.8%	18,710	43	87,200	182	(2,558)	88,890	5.0	27/08/2021
CPDR2102	3,510	-2.0%	4,010	74	87,200	399	(3,111)	89,000	5.0	27/09/2021
CPNJ2102	3,900	0.0%	7,340	18	95,100	3,191	(709)	79,230	5.0	02/08/2021
CSBT2101	1,910	6.7%	720	69	18,700	0	(1,910)	24,670	5.0	22/09/2021
CSTB2101	5,750	6.5%	5,900	69	28,800	3,445	(2,305)	22,000	2.0	22/09/2021
CSTB2103	5,700	9.6%	25,880	25	28,800	5,413	(287)	18,000	2.0	09/08/2021
CSTB2104	8,540	7.4%	5,270	43	28,800	5,958	(2,582)	22,900	1.0	27/08/2021
CTCB2012	30,600	3.1%	8,720	15	52,100	30,119	(481)	22,000	1.0	30/07/2021
CTCB2101	24,900	6.0%	10,330	82	52,100	21,249	(3,651)	31,000	1.0	05/10/2021
CTCB2103	9,200	3.4%	35,710	25	52,100	8,326	(874)	35,500	2.0	09/08/2021
CTCB2104	7,460	5.4%	3,950	43	52,100	3,208	(4,252)	45,800	2.0	27/08/2021
CTCH2003	530	6.0%	7,900	32	19,150	(0)	(530)	23,410	3.9	16/08/2021
CTCH2101	1,380	-0.7%	130	69	19,150	0	(1,380)	24,060	3.9	22/09/2021
CTCH2102	570	0.0%	4,490	29	19,150	(0)	(570)	25,000	2.0	13/08/2021
CTCH2103	490	-12.5%	6,040	28	19,150	(0)	(490)	31,670	4.0	12/08/2021
CVHM2101	1,900	1.6%	2,400	69	110,300	311	(1,589)	106,890	16.0	22/09/2021
CVHM2104	1,800	0.0%	6,470	25	110,300	1,244	(556)	98,000	10.0	09/08/2021
CVHM2105	1,700	1.2%	3,280	29	110,300	627	(1,073)	105,500	8.0	13/08/2021
CVHM2106	2,160	-1.8%	32,290	28	110,300	0	(2,160)	118,670	10.0	12/08/2021
CVIC2101	1,600	7.4%	3,660	69	102,000	0	(1,600)	126,890	20.0	22/09/2021
CVIC2103	1,180	0.0%	15,060	74	102,000	0	(1,180)	165,900	20.0	27/09/2021
CVNM2101	1,030	0.0%	1,000	69	85,200	0	(1,030)	124,180	19.6	22/09/2021
CVNM2104	1,750	4.8%	2,830	60	85,200	0	(1,750)	101,730	9.9	13/09/2021
CVNM2105	1,120	-0.9%	14,440	74	85,200	0	(1,120)	117,930	19.8	27/09/2021
CVPB2015	39,200	11.2%	2,750	15	64,000	38,023	(1,177)	26,000	1.0	30/07/2021
CVPB2103	14,500	15.2%	66,540	25	64,000	13,777	(723)	36,500	2.0	09/08/2021
CVPB2104	8,100	16.1%	4,870	43	64,000	5,041	(3,059)	49,000	3.0	27/08/2021
CVRE2013	2,000	-4.8%	10,340	15	28,000	543	(1,457)	27,500	1.0	30/07/2021
CVRE2101	1,540	1.3%	1,080	69	28,000	0	(1,540)	34,570	4.0	22/09/2021
CVRE2103	550	-8.3%	16,470	25	28,000	0	(550)	32,000	4.0	09/08/2021
CVRE2104	800	-10.1%	5,140	29	28,000	(0)	(800)	34,300	2.0	13/08/2021

(*) Tất cả đều là chứng quyền mua, thực hiện kiểu Châu Âu và phương thức thanh toán thực hiện chứng quyền bằng tiền

(**) PHS định giá theo mô hình Black-Scholes

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

DANH MỤC CỔ PHIẾU PHÂN TÍCH

Mã CK		Sàn	Thị giá	Giá hợp lý *	Ngày ra báo cáo	LNST 2021F (tỷ VND)	EPS 2021F	BV 2021F	ROE 2021F	ROA 2021F	PE 2021F	PB 2021F
VIB	(New)	HOSE	44,900	46,400	15/07/2021	5,546	3,571	18,001	2%	24%	13.0	2.6
BMI	(New)	HOSE	38,400	42,800	13/07/2021	310	3,395	26,601	13%	5%	12.6	1.6
DXG	(New)	HOSE	22,300	32,300	09/07/2021	1,390	1,727	14,784	13%	5%	18.7	2.1
DHC	(New)	HOSE	97,000	109,000	08/07/2021	497	8,868	31,698	28%	18%	12.3	3.4
GMD	(New)	HOSE	40,400	54,800	07/07/2021	541	1,794	22,180	8%	5%	31.5	2.5
GVR	(New)	HOSE	30,500	40,200	05/07/2021	4,906	1,042	13,121	9%	6%	38.6	3.1
HPG		HOSE	46,500	64,800	02/07/2021	28,065	6,261	18,845	33%	18%	10.4	3.4
TPB		HOSE	33,700	42,600	25/06/2021	4,546	3,880	19,024	23%	2%	11.0	2.2
KDC		HOSE	61,000	65,200	24/06/2021	510	1,800	32,806	7%	4%	37.1	2.8
KDH		HOSE	36,350	37,950	16/06/2021	1,174	1,885	14,536	15%	9%	20.1	2.6
SZC		HOSE	34,350	44,400	15/06/2021	202	2,025	13,476	15%	3%	21.2	3.3
AAA		HOSE	15,950	21,500	07/06/2021	413	1,739	17,474	11%	5%	10.2	1.0
NLG		HOSE	36,700	43,800	31/05/2021	1,120	4,276	26,800	16%	9%	10.2	1.6
VRE		HOSE	28,000	42,500	31/05/2021	2,603	1,419	11,745	9%	6%	35.5	3.6
VHM		HOSE	110,300	137,000	31/05/2021	34,194	10,223	42,470	36%	11%	13.4	4.2
PHR		HOSE	49,200	67,600	28/05/2021	1,146	8,158	20,173	32%	16%	6.6	2.1
KBC		HOSE	32,650	47,200	28/05/2021	1,682	3,251	25,883	14%	6%	14.5	1.5
REE		HOSE	51,200	62,100	28/05/2021	1,937	5,984	45,456	14%	9%	10.4	1.4
ANV		HOSE	26,950	26,000	27/05/2021	281	2,202	18,506	12%	6%	11.8	1.4
VHC		HOSE	39,100	48,900	27/05/2021	951	5,188	31,003	12%	17%	9.4	1.6
FMC		HOSE	33,200	43,900	27/05/2021	236	4,014	21,355	17%	12%	10.0	1.9
MPC		UPCOM	36,418	44,700	27/05/2021	762	3,811	27,801	14%	8%	11.7	1.6
IMP		HOSE	73,000	63,700	27/05/2021	241	3,611	27,902	13%	11%	17.7	2.3
DHG		HOSE	92,000	100,400	27/05/2021	742	5,676	28,774	20%	16%	18.1	3.6
FRT		HOSE	29,500	37,700	26/05/2021	113	1,426	15,852	5%	1%	26.5	2.4
DGW		HOSE	132,500	155,000	26/05/2021	448	10,410	36,323	29%	12%	14.9	4.3
PNJ		HOSE	95,100	116,000	26/05/2021	1,538	6,762	27,589	25%	16%	17.2	4.2
MWG		HOSE	167,100	168,000	26/05/2021	6,019	12,654	43,999	29%	11%	13.4	3.8
SAB		HOSE	159,900	182,900	26/05/2021	4,985	7,369	36,116	21%	17%	26.6	5.1
MSN		HOSE	115,000	104,500	26/05/2021	2,784	2,382	16,687	16%	3%	43.9	6.3
VNM		HOSE	85,200	128,000	26/05/2021	10,488	4,972	16,501	30%	20%	25.8	7.8
TCM		HOSE	87,000	82,800	17/05/2021	287	4,630	28,532	16%	9%	17.9	2.9
STK		HOSE	39,000	41,000	17/05/2021	187	2,211	14,974	15%	10%	18.6	2.7
NVL		HOSE	104,000	104,600	13/05/2021	4,369	4,389	29,673	13%	3%	23.8	3.5
VGG		UPCOM	40,822	55,500	13/05/2021	187	4,249	41,384	10%	4%	13.1	1.3
VCB		HOSE	102,500	118,300	10/05/2021	22,986	6,198	32,887	21%	2%	19.1	3.6
ACB		HOSE	32,750	39,800	10/05/2021	9,253	4,281	21,066	24%	2%	7.6	1.4
TCB		HOSE	52,100	51,300	10/05/2021	15,741	4,497	25,278	19%	3%	11.4	2.0
GEG		HOSE	15,950	21,200	07/05/2021	388	1,273	12,788	10%	4%	16.8	1.7
BMP		HOSE	56,500	66,900	06/05/2021	551	6,735	32,184	21%	17%	9.9	2.1
CTD		HOSE	60,500	69,200	29/04/2021	593	7,960	112,448	7%	4%	8.7	0.7
FPT		HOSE	85,400	91,800	14/04/2021	5,036	4,730	26,109	25%	11%	19.4	3.5
VGS		HNX	15,000	24,600	13/04/2021	171	3,623	25,974	20%	5%	7.5	1.4
SMC		HOSE	37,050	37,200	13/04/2021	313	4,961	17,978	20%	8%	6.8	1.4
ACV		UPCOM	75,942	85,600	09/04/2021	3,027	1,390	17,759	8%	5%	60.6	4.7
PLX		HOSE	50,900	64,800	31/03/2021	4,563	3,668	17,545	18%	7%	17.7	3.7
SBT		HOSE	18,700	30,000	25/03/2021	744	1,165	13,578	9%	4%	25.8	2.2
QNS		UPCOM	41,957	48,000	16/03/2021	1,043	1,491	20,653	14%	8%	32.2	2.3
GAS		HOSE	90,500	102,000	05/03/2021	10,892	5,691	27,913	20%	15%	18.0	3.7
MSH		HOSE	57,400	56,300	03/03/2021	336	6,721	30,835	22%	12%	8.4	1.8
TNG		HOSE	19,600	23,800	19/02/2021	198	2,671	16,167	17%	5%	8.9	1.5
GIL		HOSE	57,100	54,800	05/02/2021	317	8,813	43,186	20%	10%	6.2	1.3

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý *	Ngày ra báo cáo	LNST 2021F (tỷ VND)	EPS 2021F	BV 2021F	ROE 2021F	ROA 2021F	PE 2021F	PB 2021F
BSR	UPCOM	17,524	12,900	05/02/2021	1,337	431	10,444	4%	2%	29.9	1.2
GTN	HOSE	16,500	36,290	29/01/2021	303	621	16,074	7%	8%	58.4	2.3
LHG	HOSE	46,750	30,400	19/01/2021	180	3,601	26,394	11%	6%	8.1	1.0
CTR	UPCOM	70,084	78,800	19/01/2021	223	3,172	14,460	23%	6%	21.1	4.6
POW	HOSE	10,700	14,700	19/01/2021	2,837	1,055	14,071	9%	5%	13.9	1.0

Nguồn: PHFM

* Giá hợp lý chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi Phạm Quang Chương, chuyên viên phân tích – Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Mua = cao hơn thị trường nội địa trên 10%
Giữ = bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10% ~ -10%
Bán = thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%
Không đánh giá = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết
Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng/Quản lý Quỹ Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng/Quản lý Quỹ Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).
Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 5 413 5479 Fax: (84-28) 5 413 5472
Customer Service: (84-28) 5 411 8855 Call Center: (84-28) 5 413 5488
E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng
Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 5 413 5478
Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3
Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 3 820 8068
Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân
Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: (84-24) 6 250 9999
Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình
Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM
Điện thoại: (84-28) 3 813 2401
Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội
Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: (84-24) 3 933 4566
Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng
Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng
Điện thoại: (84-225) 384 1810
Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Quận 1
Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 3 535 6060
Fax: (84-28) 3 535 2912